TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-ST
Ngày: 28 – 5 – 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Linh

2. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Trụ sở chính: Số 40-42-44, đường Y, phường X, thành phố G, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn C - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng G - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần KL - Phòng giao dịch LM (Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2017).

- *Bị đơn*:

1. Ông Đinh Mộng D, sinh năm: 1973

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Danh C, sinh năm: 1969

2. Bà Thị Út E, sinh năm: 1972

Cùng cư trú tại: Ấp N, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Hoàng G là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL (gọi tắt là Ngân hàng KL) trình bày:

Ngày 15/5/2012 ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số HDBL0251/HĐTD vay của Ngân hàng KL số tiền 100.000.000đ. Mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Thời hạn vay: 24 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 16/5/2014. Lãi suất trong hạn: 1,75%/tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng KL tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,84%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Phương thức thanh toán: Lãi trả 06 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông D và bà T có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số HDBL0251/HĐTC ngày 15/5/2012. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00123 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 15/5/2006 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 1.750m^2 (loại đất lúa) tại thửa 555 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00337 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 17/5/2007 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 1.812m^2 (loại đất lúa) tại thửa 554 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00732 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 09/6/2009 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 5.568m^2 (loại đất lúa) tại thửa 618 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông D và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay đúng theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như tiền lãi, hiện số nợ đã quá hạn. Tính đến ngày 06/12/2017 ông D, bà T còn nợ lại ngân hàng tổng số tiền:

- Vốn gốc: 100.000.000đ.

- Lãi trong hạn: 31.967.167đ.

- Lãi quá hạn: 108.766.667đ.

- Tiền phạt chậm trả lãi: 47.572.972đ.

Tổng cộng: 288.306.805đ.

Nay Ngân hàng KL khởi kiện yêu cầu ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T phải trả các khoản vay còn nợ là 288.306.805đ và yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên tổng số nợ gốc cho đến ngày ông D, bà T thanh toán dứt nợ. Trong trường hợp không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T trình bày: Ông bà thừa nhận vào ngày 15/5/2012 có vay của Ngân hàng KL số tiền vốn 100.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; có thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như phía ngân hàng trình bày là đúng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên chưa trả được tiền gốc cho Ngân hàng; có trả được 02 lần tiền lãi với số tiền 10.797.734đ. Ông bà thống nhất số tiền còn nợ Ngân hàng KL vốn gốc là 100.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Nay ông bà đồng ý trả cho ngân hàng số tiền vốn 100.000.000đ và chỉ đồng ý trả 50.000.000đ tiền lãi nhưng yêu cầu được trả dần mỗi quý 10.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh C và bà Thị Út E trình bày: Ngày 02/4/2014 ông bà có nhận cố đất của vợ chồng ông D, bà T 04 công tầm 03m với giá 90.000.000đ. Thời hạn cố đất là 05 năm, đến ngày 02/4/2019 là đến hạn chuộc đất, nếu đến hạn ông D không chuộc thì ông bà tiếp tục canh tác đất. Tại thời điểm nhận cố đất thì ông bà không biết ông D, bà T đã thế chấp phần đất này cho Ngân hàng để vay tiền. Nay ông bà không có yêu cầu gì, vì đất chưa đến hạn chuộc lại; sau này có phát sinh tranh chấp với ông D, bà T thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Tại phiên tòa Ngân hàng KL rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt 47.572.972đ. Ngân hàng KL yêu cầu ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T trả vốn và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền như sau:

- Vốn gốc: 100.000.000đ.

- Lãi trong hạn: 31.967.167đ.

- Lãi quá hạn: 123.241.000đ.

Tổng cộng vốn và lãi: 255.208.167đ.

Và yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc cho đến ngày ông D, bà T thanh toán dứt nợ. Trong trường hợp không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 xét xử vắng mặt ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T, ông Danh C và bà Thị Út E. Tại phiên tòa, Ngân hàng KL rút một phần yêu cầu đối với số tiền lãi phạt; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận còn nợ tiền vay của Ngân hàng KL số tiền vốn 100.000.000đ; đã trả được 10.797.734đ tiền lãi; hiện còn nợ toàn bộ vốn và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến nay chưa trả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi là 255.208.167đ và tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trong trường hợp không thanh toán được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng KL khởi kiện yêu cầu ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh C, bà Thị Út E tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến

hành xét xử vắng mặt ông D, bà T, ông C, bà Út E nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa, Ngân hàng KL rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả lãi 47.572.972đ. Việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt chậm trả lãi.

Về nội dung vụ án:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cở sở xác định: Giữa Ngân hàng KL và ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T có ký kết hợp đồng tín dụng số HDBL0251/HĐTD ngày 15/5/2012. Căn cứ các khế ước nhận nợ thì Ngân hàng KL đã giải ngân cho ông D, bà T với tổng số tiền vốn là 100.000.000đ. Sau khi nhận nợ thì ông D, bà T có thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho ngân hàng được số tiền 10.797.734đ; từ ngày 15/11/2012 đến nay ông D, bà T không thanh toán nợ cho ngân hàng nên khoản vay này đã quá hạn. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông D, bà T còn nợ Ngân hàng KL số tiền tổng cộng vốn và lãi là 255.208.167đ. Do ông D, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng KL, xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số HDBL0251/HĐTD ngày 15/5/2012 thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 1,75%/tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lại cuối kỳ của Ngân hàng KL tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,84%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông D, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông D, bà T phải trả lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[6]. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Ông D, bà T đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc ông D, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng KL khởi kiện yêu cầu ông D, bà T trả số tiền còn nợ gồm vốn và lãi tổng cộng 255.208.167đ là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Từ đó, có cơ sở buộc ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng KL số tiền vay còn nợ tổng cộng 255.208.167đ; trong đó vốn gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn 31.967.167đ, lãi quá hạn 123.241.000đ.

[8]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng nên bên vay là ông D, bà T có ký kết với Ngân hàng KL hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDBL0251/HĐTC ngày 15/5/2012. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00123 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 15/5/2006 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 1.750m^2 (loại đất lúa) tại thửa 555 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00337 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 17/5/2007 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 1.812m^2 (loại đất lúa) tại thửa 554 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00732 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 09/6/2009 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 5.568m^2 (loại đất lúa) tại thửa 618 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nhằm để đảm bảo khả năng trả nợ của ông D, bà T cho Ngân hàng KL. Các bên cam kết thế chấp toàn bộ hiện trạng và giá trị đất để đảm bảo cho toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng KL. Hợp đồng thế chấp trên do chủ thể luật định ký kết xác lập, tài sản thế chấp đúng chủ sở hữu, có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Tại thời điểm ký kết đăng ký giao dịch bảo đảm các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDBL0251/HĐTC ngày 15/5/2012 có hiệu lực.

Như vậy, trong trường hợp ông D, bà T không thanh toán hết nợ thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[9]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

ông Đinh Mộng D và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.760.408đ, Ngân hàng KL được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL đối với ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL đối với số tiền phạt chậm trả lãi.

3. Buộc ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền vay còn nợ tổng cộng 255.208.167đ (hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm lẻ tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng); trong đó vốn gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi trong hạn 31.967.167đ (ba mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn 123.241.000đ (một trăm hai mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt ngàn đồng).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Trong trường hợp ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần KL có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà D, bà T đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HDBL0251/HĐTC ngày 15/5/2012. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00123 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 15/5/2006 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 1.750m^2 (loại đất lúa) tại thửa 555 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00337 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 17/5/2007 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 1.812m^2 (loại đất lúa) tại thửa 554 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00732 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 09/6/2009 do ông Đinh Mộng D đứng tên quyền sử dụng với diện tích 5.568m^2 (loại đất lúa) tại thửa 618 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Mộng D, bà Nguyễn Thị T phải chịu là 12.760.408đ (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn bốn trăm lẻ tám đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần KL được nhận lại 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015221 lập ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/5/2018). Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thừa